

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/01

1. Phương tiện đo (Object): MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN (MÁY KÉO NÉN ĐA NĂNG)

2. Nơi sản xuất (Manufacturer): TRUNG QUỐC

3. Kiểu (Type): WE-1000B Số (Serial No.): 2105549 ID: N/A

4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	(0 ÷ 1 000) kN	Độ phân giải (Division):	0,01 kN
--------------------------------	----------------	-----------------------------	---------

5. Khách hàng (Customer): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT

Địa chỉ (Address): Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai

6. Địa điểm thực hiện
(Location of calibration): Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MITEST-064

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-LC300-01	Đầu đo lực/ Loadcell	VMI	12/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (18 ÷ 28) °C < 80 %RH

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 07/11/2025

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): 07/11/2026

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): MT-NP1125/01

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



PGD. Đỗ Quang Trang

MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỄN TRUNG TÂY NGUYÊN (ĐK 576)

MIEN TRUNG TAY NGUYEN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)

Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/01

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chỉ thị PTĐ/ Nominal value (kN)	Giá trị chuẩn/ Reference value (kN)	Sai số tương đối/ Relative error (%)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (%)
0,00	0,000	0,00	N/A
100,00	99,170	0,84	0,20
200,00	199,873	0,06	0,20
300,00	299,751	0,08	0,20
400,00	398,901	0,28	0,20
500,00	498,408	0,32	0,20
600,00	598,040	0,33	0,20
700,00	697,489	0,36	0,20
800,00	797,058	0,37	0,20
900,00	896,714	0,37	0,20
Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 0,99606x + 0,3495$			

Ghi chú/ Notes :

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value , (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (kN)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.

b. Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 2/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/02

1. Phương tiện đo (Object): **MÁY ĐO ĐIỆN TRỞ**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **KYORITSU**
3. Kiểu (Type): **KEW4105A** Số (Serial No.): **E8254622** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):
Thang đo (Measuring range): **0 Ω ÷ 2 000 Ω**
5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of testing): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
7. Phương pháp thực hiện (Method of testing): **MITEST-112**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due Date)
MT-ĐTTĐ-01	Hộp Điện Trở/ Resistance Box	VITECH	03/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental Conditions): (23 $\pm$ 5) °C (60 $\pm$ 20) %RH
10. Ngày đo kiểm (Testing date): 07/11/2025
11. Ngày kiểm tra khuyến nghị (Recommended testing date): 07/11/2026
12. Tem đo kiểm (Testing stamp): **MT-NP1125/02**
13. Kết quả kiểm tra (Testing results): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)



TRẦN VĂN VIỆT

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



PGĐ. Đỗ Quang Trọng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/02

Kiểm tra độ chính xác điện trở */ Resistance accuracy test*

Giá trị chuẩn/ Reference value	Giá trị chỉ thị/ Indication value	Sai số/ Error	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (%)
1,000 Ω	1,001 Ω	0,001 Ω	0,058
5,000 Ω	5,003 Ω	0,003 Ω	0,013
10,00 Ω	10,01 Ω	0,01 Ω	0,058
50,00 Ω	50,01 Ω	0,01 Ω	0,018
100,0 Ω	100,2 Ω	0,2 Ω	0,077
500,0 Ω	500,2 Ω	0,2 Ω	0,032

Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/03

1. Phương tiện đo (Object): MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN (MÁY KÉO NÉN ĐA NĂNG)

2. Nơi sản xuất (Manufacturer): T-TECH

3. Kiểu (Type): T06002 Số (Serial No.): 151018 ID: N/A

4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	(0 ÷ 1 000) kN	Độ phân giải (Division):	0,01 kN
--------------------------------	----------------	-----------------------------	---------

5. Khách hàng (Customer): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT

Địa chỉ (Address): Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai

6. Địa điểm thực hiện
(Location of calibration): Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MITEST-064

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-LC300-01	Đầu đo lực/ Loadcell	VMI	12/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (18 ÷ 28) °C < 80 %RH

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 07/11/2025

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): 07/11/2026

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): MT-NP1125/03

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỄN TRUNG TÂY NGUYỄN (ĐK 576)

MIEN TRUNG TAY NGUYEN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)

Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/03

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chỉ thị PTĐ/ Nominal value (kN)	Giá trị chuẩn/ Reference value (kN)	Sai số tương đối/ Relative error (%)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (%)
0,00	0,000	0,00	N/A
100,00	99,178	0,83	0,20
200,00	198,582	0,71	0,20
300,00	301,209	-0,40	0,20
400,00	403,685	-0,91	0,20
500,00	505,162	-1,02	0,20
600,00	604,828	-0,80	0,20
700,00	705,720	-0,81	0,20
800,00	804,769	-0,59	0,20
900,00	904,035	-0,45	0,20

Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 1,00803x - 0,994$

Ghi chú/ Notes :

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value , (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (kN)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.

b. Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 2/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/04

1. Phương tiện đo (Object): MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN (MÁY NÉN BÊ TÔNG)
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): TRUNG QUỐC
3. Kiểu (Type): TYA-2000 Số (Serial No.): 2412 ID: N/A
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	(0 ÷ 1 000) kN	Độ phân giải (Division):	0,01 kN
	(1 000 ÷ 2 000) kN		0,1 kN

5. Khách hàng (Customer): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT
Địa chỉ (Address): Số 141 Ngõ Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai
6. Địa điểm thực hiện
(Location of calibration): Số 141 Ngõ Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MITEST-064

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-LC300-01	Đầu đo lực/ Loadcell	VMI	12/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (18 ÷ 28) °C < 80 %RH
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 07/11/2025
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): 07/11/2026
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): MT-NP1125/04
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN
(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT

MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/04

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chỉ thị PTĐ/ Nominal value (kN)	Giá trị chuẩn/ Reference value (kN)	Sai số tương đối/ Relative error (%)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (%)
0,00	0,000	0,00	N/A
200,00	201,564	-0,78	0,20
400,00	402,262	-0,56	0,20
600,00	600,668	-0,11	0,20
800,00	799,097	0,11	0,20
1000,0	1000,693	-0,07	0,20
1200,0	1202,664	-0,22	0,20
1400,0	1403,640	-0,26	0,20
1600,0	1603,470	-0,22	0,20
1800,0	1801,517	-0,08	0,20
Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 1,0011x + 0,6514$			

Ghi chú/ Notes :

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value , (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (kN)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.

b. Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 2/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/05

1. Phương tiện đo (Object): **CÂN ĐĨA (CÂN ĐIỆN TỬ)**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **VIBRA**
3. Kiểu (Type): **TPS15** Số (Serial No.): **230220129** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Max=	15 000	g	Min=	10	g
d=	0,5	g	CCX:	III	

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**

Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

6. Địa điểm thực hiện
(Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-005**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-F1-01	Bộ Quả Cân/ Set of Weights	SMEQ	09/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(25 ± 5) °C (60 ± 20) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/05**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT

MITEST-005-02 (BH 03; 15/05/2025)



PGD. Đỗ Quang Trang



Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam
Hotline: 0914 08 18 89 Email: info@mitest.vn Website: mitest.vn

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/05

1. Kiểm tra độ lặp lại tại các mức tải/

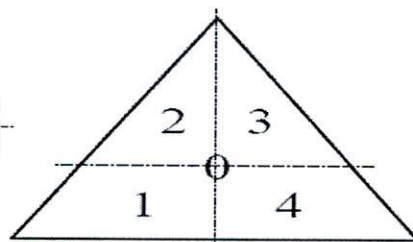
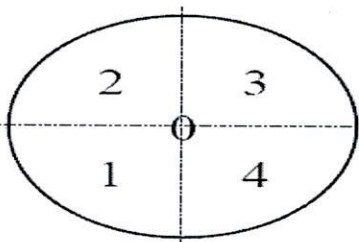
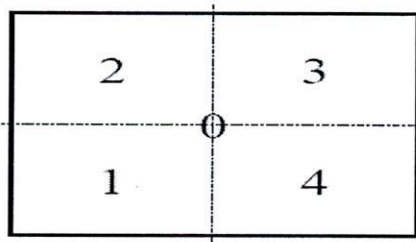
Repeatability test @ load P

KIỂM TRA ĐỘ LẶP LẠI										
STT	10 g		4 000 g		7 500 g		11 200 g		15 000 g	
	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)
1	10,0	0,0	4000,0	0,0	7500,0	0,0	11200,0	0,0	15000,0	0,0
2	10,0		4000,0		7500,0		11200,0		15000,0	
3	10,0		4000,0		7500,0		11200,0		15000,0	

2. Kiểm tra độ lệch tâm của cân tại mức tải = 5000 g

Eccentricity test @ load P = 5000 g

Vị trí	Chỉ thị/ Reading (g)	Sai lệch/ Error (g)	$\text{abs}(I_i - I_G)$ (g)	$ \Delta I_{\text{Ecc}} _{\max}$ (g)
0	5000,0	0,0	0,0	0,0
1	5000,0	0,0	0,0	
2	5000,0	0,0	0,0	
3	5000,0	0,0	0,0	
4	5000,0	0,0	0,0	



Hình minh hoạ/ Illustrative picture

MITEST-005-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 2/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/05

3. Kiểm tra độ đúng/ Weighing test

STT	Giá trị qui ước chuẩn / Standard convention value (g)	Chỉ thị trung bình trên cân/ Reading average value (g)	Sai số/ Error (g)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (g)
1	10,000010	10,0	0,0	0,70
2	4000,0040	4000,0	0,0	0,70
3	7500,0105	7500,0	0,0	0,70
4	11200,013	11200,0	0,0	0,70
5	15000,017	15000,0	0,0	0,70

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/06

1. Phương tiện đo (Object): **CÂN ĐĨA (CÂN ĐIỆN TỬ)**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **VIRTUALMC**
3. Kiểu (Type): **HB-A3000** Số (Serial No.): **8056251391** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Max=	3 000	g	Min=	0,2	g
d=	0,01	g	CCX:	III	

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYÊN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-005**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-F1-01	Bộ Quả Cân/ Set of Weights	SMEQ	09/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(25 ± 5) °C** **(60 ± 20) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/06**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN
(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



PGĐ. Đỗ Quang Trọng

MITEST-005-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/06

1. Kiểm tra độ lặp lại tại các mức tải/ Repeatability test @ load P

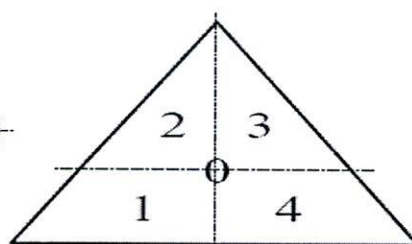
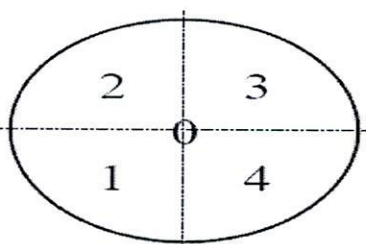
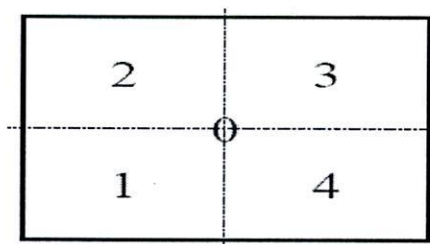
KIỂM TRA ĐỘ LẶP LẠI

STT	2 g		750 g		1 500 g		2 250 g		3 000 g	
	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)
1	2,00	0,00	1000,00	0,00	1500,00	0,00	2250,00	0,00	3000,00	0,00
2	2,00		1000,00		1500,00		2250,00		3000,00	
3	2,00		1000,00		1500,00		2250,00		3000,00	

2. Kiểm tra độ lệch tâm của cân tại mức tải = 1000 g

Eccentricity test @ load P= 1000 g

Vị trí	Chỉ thị/ Reading (g)	Sai lệch/ Error (g)	$\text{abs}(I_i - I_G)$ (g)	$ \Delta I_{\text{Ecc}} _{\max}$ (g)
0	1000,00	0,00	0,00	0,00
1	1000,00	0,00	0,00	
2	1000,00	0,00	0,00	
3	1000,00	0,00	0,00	
4	1000,00	0,00	0,00	



Hình minh hoạ/ Illustrative picture



Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/06

3. Kiểm tra độ đúng/ Weighing test

STT	Giá trị qui ước chuẩn / Standard convention value (g)	Chỉ thị trung bình trên cân/ Reading average value (g)	Sai số/ Error (g)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (g)
1	1,999990	2,00	0,00	0,70
2	1000,0020	1000,00	0,00	0,70
3	1500,0025	1500,00	0,00	0,70
4	2250,0039	2250,00	0,00	0,70
5	3000,0060	3000,00	-0,01	0,70

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/07

1. Phương tiện đo (Object): **CÂN ĐĨA (CÂN ĐIỆN TỬ)**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **VIBRA**
3. Kiểu (Type): **TPS30** Số (Serial No.): **220520005** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Max=	30 000	g	Min=	20	g
d=	1	g	CCX:	III	

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, Xã Tây Sơn, Tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, Xã Tây Sơn, Tỉnh Gia Lai**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-005**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-F1-01	Bộ Quả Cân/ Set of Weights	SMEQ	09/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(25 ± 5) °C** **(60 ± 20) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/07**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN
(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



MITEST-005-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/07

1. Kiểm tra độ lặp lại tại các mức tải/

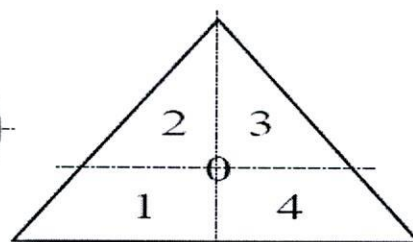
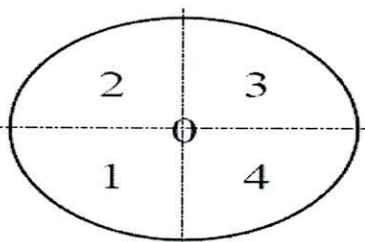
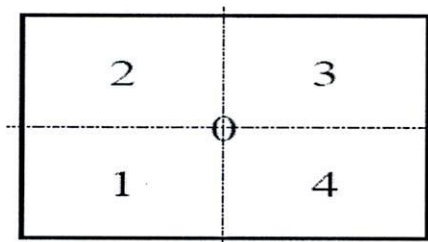
Repeatability test @ load P

KIỂM TRA ĐỘ LẶP LẠI										
STT	3000 g		7000 g		15000 g		22000 g		30000 g	
	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)
1	3000	0	7000	0	15000	0	22000	0	30000	0
2	3000		7000		15000		22000		30000	
3	3000		7000		15000		22000		30000	

2. Kiểm tra độ lệch tâm của cân tại mức tải = 10000 g

Eccentricity test @ load P = 10000 g

Vị trí	Chỉ thị/ Reading (g)	Sai lệch/ Error (g)	$\text{abs}(I_i - I_G)$ (g)	$ \Delta I_{\text{Ecc}} _{\max}$ (g)
0	10000	0	0	0
1	10000	0	0	
2	10000	0	0	
3	10000	0	0	
4	10000	0	0	





Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/07

3. Kiểm tra độ đúng/ Weighing test

STT	Giá trị qui ước chuẩn / Standard convention value (g)	Chỉ thị trung bình trên cân/ Reading average value (g)	Sai số/ Error (g)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (g)
1	3000,0060	3000	0	0,70
2	7000,0100	7000	0	0,70
3	15000,017	15000	0	0,70
4	22000,020	22000	0	0,70
5	30000,028	30000	0	0,70

Ghi chú/ Notes:

- a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- b. Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/08

1. Phương tiện đo (Object): **CÂN ĐĨA (CÂN ĐIỆN TỬ)**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **VIBRA**
3. Kiểu (Type): **TPS15** Số (Serial No.): **241117673** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Max=	15 000 g	Min=	10 g
d=	0,5 g	CCX:	III

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYÊN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thị Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thị Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-005**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-F1-01	Bộ Quả Cân/ Set of Weights	SMEQ	09/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(25 ± 5) °C** **(60 ± 20) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/08**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



PGĐ. Đỗ Quang Trọng

MITEST-005-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN (ĐK 576)

MIEN TRUNG TAY NGUYEN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)

Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/08

1. Kiểm tra độ lặp lại tại các mức tải/

Repeatability test @ load P

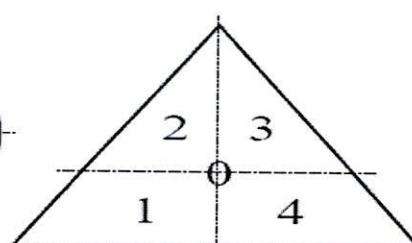
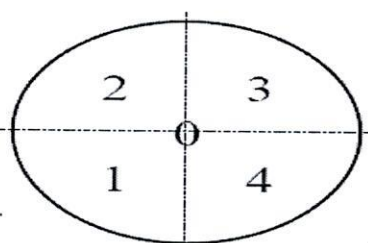
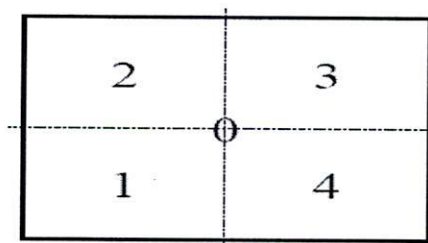
KIỂM TRA ĐỘ LẶP LẠI

STT	10 g		4 000 g		7 500 g		11 200 g		15 000 g	
	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)
1	10,0	0,0	4000,0	0,0	7500,0	0,0	11200,0	0,0	15000,0	0,0
2	10,0		4000,0		7500,0		11200,0		15000,0	
3	10,0		4000,0		7500,0		11200,0		15000,0	

2. Kiểm tra độ lệch tâm của cân tại mức tải = 5000 g

Eccentricity test @ load P = 5000 g

Vị trí	Chỉ thị/ Reading (g)	Sai lệch/ Error (g)	$\text{abs}(I_i - I_G)$ (g)	$ \Delta I_{\text{Ecc}} _{\max}$ (g)
0	5000,0	0,0	0,0	0,0
1	5000,0	0,0	0,0	
2	5000,0	0,0	0,0	
3	5000,0	0,0	0,0	
4	5000,0	0,0	0,0	



Hình minh họa/ Illustrative picture

MITEST-005-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 2/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



*Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/08

3. Kiểm tra độ đúng/ Weighing test

STT	Giá trị qui ước chuẩn / Standard convention value (g)	Chỉ thị trung bình trên cân/ Reading average value (g)	Sai số/ Error (g)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (g)
1	10,000010	10,0	0,0	0,70
2	4000,0040	4000,0	0,0	0,70
3	7500,0105	7500,0	0,0	0,70
4	11200,013	11200,0	0,0	0,70
5	15000,017	15000,0	0,0	0,70

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/09

1. Phương tiện đo (Object): **PHƯƠNG TIỆN ĐO LỰC NÉN (MÁY MARSHALL)**

2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **T-TECH**

3. Kiểu (Type): **N/A** Số (Serial No.): **N/A** ID: **N/A**

4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Giá trị thang đo danh nghĩa lớn nhất (Maximum nominal scale value):	30 kN
Đồng hồ đo biến dạng (Strain gauge):	- Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 5) mm
	- Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm
	- Số hiệu (Serial No.): N/A

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**

Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thị Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thị Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-058**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-LC10-01	Đầu đo lực/ Loadcell	VMI	12/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(18 ÷ 28) °C** **< 80 %RH**

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/09**

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration laboratory)



TRẦN VĂN VIỆT

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



PGĐ. Đỗ Quang Trang



Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.):

MT-NP1125/09

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (Vạch x 0,01 mm)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on equipment (kN)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (%)
0	0,000	-
20	2,341	0,40
40	4,740	0,40
60	7,117	0,40
80	9,518	0,40
100	11,922	0,40
120	14,381	0,40
140	16,822	0,40
160	19,201	0,40
180	21,600	0,40
200	23,934	0,40
Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 0,1203x - 0,0804$		

Ghi chú / Notes:

+ y: Giá trị tính toán/ Calculated value , (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value , (Vạch x 0,01 mm)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 % .

b. Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017 .

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/10

1. Phương tiện đo (Object): **CẦN BENKENMAN**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **VIỆT NAM**
3. Kiểu (Type): **N/A** Số (Serial No.): **NP.005** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Tỷ lệ cần (Beam ratio):	1:2		
Bộ phận hiển thị (Display part):	- Phạm vi đo (Range):	(0 ÷ 10)	mm
	- Giá trị vạch chia (Division):	0,01	mm
	- Số hiệu (Serial No.):	N/A	

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-014**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-GBS-01	Căn Mẫu/ Gage Blocks	QUATEST 3	02/2027

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (20 ± 3) °C (50 ± 15) %RH
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 07/11/2025
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): 07/11/2026
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/10**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)



TRẦN VĂN VIỆT

MITEST-014-02 (BH 03; 15/05/2025)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



PGĐ. Đỗ Quang Trọng

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/10

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chuẩn/ Standards value (mm)	Giá trị chỉ thị/ Indication value (mm)	Tỷ lệ/ Ratio (1 : 2) mm	Sai số/ Error (%)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (mm)
1,00003	0,50	0,50	0,00	0,0058
2,00002	1,00	1,00	0,00	0,0058
5,00005	2,50	2,50	0,00	0,0058
10,00012	5,00	5,00	0,00	0,0058

Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/11

1. Phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **JINLR**
3. Kiểu (Type): **CƠ** Số (Serial No.): **15255** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	(0 ÷ 10) mm	Độ phân giải (Division):	0,01 mm
-----------------------------	--------------------	--------------------------	----------------

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-014**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-CTU-01	Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ Dial Gage Tester	QUATEST 3	01/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(20 ± 3) °C** **(50 ± 15) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/11**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN
(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



PGĐ. Đỗ Quang Trang



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/11

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chỉ thị/ Indication value (mm)	Giá trị chuẩn/ Standard value (mm)	Số hiệu chỉnh/ Correction (mm)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (mm)
0,00	0,000	0,00	-
1,00	0,999	0,00	0,0059
2,00	1,999	0,00	0,0059
3,00	2,999	0,00	0,0059
5,00	4,999	0,00	0,0059
7,01	6,999	-0,01	0,0059
10,01	9,999	-0,01	0,0059

Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/12

1. Phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **LINK**
3. Kiểu (Type): **CƠ** Số (Serial No.): **103121** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	(0 ÷ 10) mm	Độ phân giải (Division):	0,01 mm
-----------------------------	--------------------	--------------------------	----------------

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**

Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

6. Địa điểm thực hiện **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

(Location of calibration):

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-014**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-CTU-01	Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ Dial Gage Tester	QUATEST 3	01/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(20 ± 3) °C** **(50 ± 15) %RH**

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/12**

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



PGD. Đỗ Quang Trọng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/12

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chỉ thị/ Indication value (mm)	Giá trị chuẩn/ Standard value (mm)	Số hiệu chỉnh/ Correction (mm)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (mm)
0,00	0,000	0,00	-
1,00	0,999	0,00	0,0059
2,00	1,999	0,00	0,0059
3,00	2,999	0,00	0,0059
5,00	4,999	0,00	0,0059
7,00	6,999	0,00	0,0059
10,01	9,999	-0,01	0,0059

Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/13

1. Phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **LINK**
3. Kiểu (Type): **CƠ** Số (Serial No.): **13797** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	(0 ÷ 10) mm	Độ phân giải (Division):	0,01 mm
-----------------------------	-------------	--------------------------	---------

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**

Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

6. Địa điểm thực hiện **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

(Location of calibration):

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-014**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-CTU-01	Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ Dial Gage Tester	QUATEST 3	01/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (20 ± 3) °C (50 ± 15) %RH

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 07/11/2025

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): 07/11/2026

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/13**

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



PGĐ. Đỗ Quang Trọng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/13

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chỉ thị/ Indication value (mm)	Giá trị chuẩn/ Standard value (mm)	Số hiệu chỉnh/ Correction (mm)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (mm)
0,00	0,000	0,00	-
1,00	0,999	0,00	0,0059
2,00	1,999	0,00	0,0059
3,00	2,999	0,00	0,0059
5,00	4,999	0,00	0,0059
7,00	6,999	0,00	0,0059
10,00	9,999	0,00	0,0059

Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/14

1. Phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **JINLR**
3. Kiểu (Type): **CỖ** Số (Serial No.): **15550** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	(0 ÷ 10) mm	Độ phân giải (Division):	0,01 mm
-----------------------------	--------------------	--------------------------	----------------

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-014**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-CTU-01	Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ Dial Gage Tester	QUATEST 3	01/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(20 ± 3) °C** **(50 ± 15) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/14**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN
(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



PGĐ. Đỗ Quang Trang



Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam
Hotline: 0914 08 18 89 Email: info@mitest.vn Website: mitest.vn

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/14

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chỉ thị/ Indication value (mm)	Giá trị chuẩn/ Standard value (mm)	Số hiệu chỉnh/ Correction (mm)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (mm)
0,00	0,000	0,00	-
1,00	0,999	0,00	0,0059
2,00	1,999	0,00	0,0059
3,00	2,999	0,00	0,0059
5,00	4,999	0,00	0,0059
7,01	6,999	-0,01	0,0059
10,01	9,999	-0,01	0,0059

Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/15

1. Phương tiện đo (Object): **PHƯƠNG TIỆN ĐO LỰC NÉN
(BỘ KÍCH THỦY LỰC VÀ ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT)**

2. Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A

3. Kiểu (Type): **TRỤ ĐỨNG** Số (Serial No.): N/A ID: N/A

4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Giá trị thang đo danh nghĩa lớn nhất (Maximum nominal scale value):	(0 ÷ 32) tấn
Đồng hồ đo áp suất (Pressure gauge):	- Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 700) kG/cm ²
	- Giá trị vạch chia (Division): 20 kG/cm ²
	- Số hiệu (Serial No.): N/A

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**

Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-058**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-LC60-01	Đầu đo lực/ Loadcell	VMI	12/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (18 ÷ 28) °C < 80 %RH

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 07/11/2025

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): 07/11/2026

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/15**

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT



PGD. Đỗ Quang Trọng

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.):

MT-NP1125/15

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (kg/cm ²)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on equipment (kN)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (%)
0	0,000	-
100	31,521	0,40
200	61,885	0,40
300	93,097	0,40
400	123,180	0,40
500	153,900	0,40
600	184,498	0,40
700	215,133	0,40
Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 0,306x + 0,907$		

Ghi chú/ Notes:

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value, (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value, (kg/cm²)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.

b. Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/16

1. Phương tiện đo (Object): **CÂN ĐĨA (CÂN ĐIỆN TỬ)**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **OHAUS**
3. Kiểu (Type): **RC21P6** Số (Serial No.): **N/A** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Max=	6 000	g	Min=	2	g
d=	0,1	g	CCX:	III	

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYÊN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-005**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-F1-01	Bộ Quả Cân/ Set of Weights	SMEQ	09/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(25 ± 5) °C (60 ± 20) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/16**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN
(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT

MITEST-005-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam
Hotline: 0914 08 18 89 Email: info@mitest.vn Website: mitest.vn

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/16

1. Kiểm tra độ lặp lại tại các mức tải/

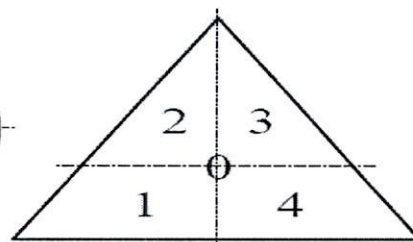
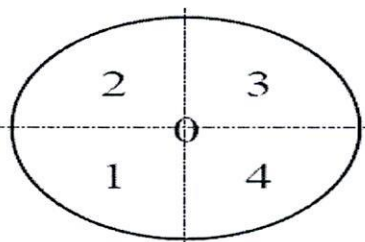
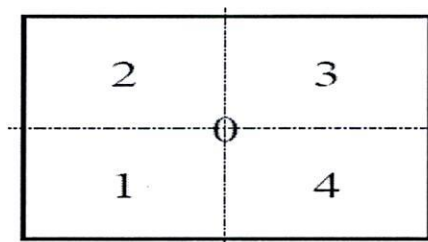
Repeatability test @ load P

KIỂM TRA ĐỘ LẶP LẠI										
STT	2 g		1500 g		3000 g		4500 g		6000 g	
	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)	Chỉ thị/ Reading (g)	$I_{\max} - I_{\min}$ (g)
1	2,0	0,0	1500,0	0,0	3000,0	0,0	4500,0	0,0	6000,0	0,0
2	2,0		1500,0		3000,0		4500,0		6000,0	
3	2,0		1500,0		3000,0		4500,0		6000,0	

2. Kiểm tra độ lệch tâm của cân tại mức tải = 2000 g

Eccentricity test @ load P = 2000 g

Vị trí	Chỉ thị/ Reading (g)	Sai lệch/ Error (g)	$\text{abs}(I_i - I_G)$ (g)	$ \Delta I_{\text{Ecc}} _{\max}$ (g)
0	2000,0	0,0	0,0	0,0
1	2000,0	0,0	0,0	
2	2000,0	0,0	0,0	
3	2000,0	0,0	0,0	
4	2000,0	0,0	0,0	



Hình minh họa/ Illustrative picture

MITEST-005-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 2/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-NP1125/16

3. Kiểm tra độ đúng/ Weighing test

STT	Giá trị qui ước chuẩn / Standard convention value (g)	Chỉ thị trung bình trên cân/ Reading average value (g)	Sai số/ Error (g)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (g)
1	1,999990	2,0	0,0	0,70
2	1500,0025	1500,0	0,0	0,70
3	3000,0060	3000,0	0,0	0,70
4	4500,0045	4500,0	0,0	0,70
5	6000,0080	6000,0	0,0	0,70

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-NP1125/17

1. Phương tiện đo (Object): **PHƯƠNG TIỆN ĐO LỰC NÉN (MÁY CBR)**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **TRUNG QUỐC**
3. Kiểu (Type): **CBR-II** Số (Serial No.): **542** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Giá trị thang đo danh nghĩa lớn nhất (Maximum nominal scale value):	50 kN
Đồng hồ đo biến dạng (Strain gauge):	- Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm
	- Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm
	- Số hiệu (Serial No.): N/A

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP NGUYỄN PHÁT**
Địa chỉ (Address): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Số 141 Ngô Thì Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai**

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-058**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-LC10-01	Đầu đo lực/ Loadcell	VMI	12/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(18 ÷ 28) °C** < 80 %RH
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **07/11/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **07/11/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-NP1125/17**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)



TRẦN VĂN VIỆT

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)



PGD. Đỗ Quang Trang

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.):

MT-NP1125/17

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (Vạch x 0,01 mm)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on equipment (kN)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (%)
0	0,000	-
20	5,620	0,40
40	11,193	0,40
60	16,649	0,40
80	22,221	0,40
100	27,170	0,40
120	32,665	0,40
140	38,018	0,40
160	43,133	0,40
180	48,504	0,40
Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 0,2671x + 0,53$		

Ghi chú/ Notes:

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value , (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (Vạch x 0,01 mm)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.

b. Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---